

Hồ Bạch Thảo

Bằng chứng phản bác lập luận của Keith W. Taylor trong bài khảo luận “Các xung đột vùng miền giữa các dân tộc Việt từ thế kỷ 13 đến 19”

Trong bài khảo luận nói trên, (do Lê Quỳnh dịch), Keith W. Taylor lập luận rằng có truyền thống xung đột giữa vùng Thanh Nghệ và Đông-Kinh. Tác giả giải thích “Đông-Kinh tức đồng bằng sông Hồng mà trung tâm là Hà-Nội, với Thanh Nghệ tọa lạc nơi miền nam và bao gồm các tỉnh Thanh-Hóa, Nghệ-An, và Hà-Tĩnh.”

Hãy bắt đầu cùng tác giả với cái gọi là sự kình địch hai phe Đông-Kinh và Thanh Nghệ dưới thời Trần Hồ. Có lẽ vì tổ tiên Hồ Quý Ly tại Nghệ-An, ông ta lại sinh trưởng tại Thanh-Hóa, nên tác giả gán cho Hồ Quý Ly thuộc phe Thanh Nghệ, nhà Trần thuộc phe đồng bằng sông Hồng, và hai phe kình địch lẫn nhau. Những sử liệu được trích dẫn dưới đây có thể phủ nhận lập luận nêu trên:

Trong cuộc kháng chiến chống quân Mông-Cổ, giai đoạn đầu, quân ta bất lợi rút lui về Vạn-Kiếp. Để cổ vũ lòng dân, vua Trần Nhân Tông đề thơ vào đuôi thuyền như sau:

Cối-kê cự sự quân tu ký,

Hoan Diễn do tồn thập vạn binh

Hai câu thơ nhắc nhở nhân dân rằng: “Ngày xưa dưới thời Chiến Quốc, Câu Tiễn giao tranh với Ngô Phù Sai bị thua, chỉ còn một ngàn binh lui về đất Cối-Kê; sau đó lập chí đánh bại nước Ngô. Huống hồ ngày nay, nước ta còn tiềm lực mười vạn tinh binh tại hai châu Hoan Diễn (Nghệ Tĩnh), thì vẫn còn cơ hội để chiến thắng.” Nội dung câu thơ cũng nói lên sự tin cậy của Vương Hầu nhà Trần đối với vùng đất Nghệ Tĩnh.

Bàn đến nhà Hồ. Sau khi giao tranh một trận lớn với đại quân của nhà Minh tại vùng châu thổ sông Hồng, từ ải Hàm-Tử cho đến cửa Muộn (huyện Giao-Thủy, tỉnh Nam-Hà), vào tháng 3 năm Đinh Hợi [1407], cha con Hồ Quý Ly thua to, phải rút về Thanh-Hóa. Quân Minh tiếp tục truy kích, quân nhà Hồ bỏ Tây-Đô, Thanh-Hóa, chạy dài đến cửa bể Kỳ-La (thuộc huyện Kỳ-Anh, tỉnh Hà-tĩnh); rồi cha con Hồ Quý Ly và một số quan lại bị bắt tại đây. Một giai thoại trong *Đại Việt sử ký toàn thư* kể thêm:

Khi cha con Hồ Quý Ly đến Kỳ-La, có một phụ lão ra bái yết thưa rằng: “Xứ này có tên là Ky-Lê [trời họ Lê; trước đó Hồ Quý Ly lấy họ Lê, sau đổi sang họ Hồ] trên có núi Thiên-Cầm [trời bắt] là điềm không lành. Xin chớ lưu lại.” Vị phụ lão này không muốn hai vua họ Hồ ở lại chốn này, nên nói chệch Kỳ-La thành Ky-Lê; lợi dụng chữ đồng âm khác nghĩa để cố tình giải thích Thiên-Cầm tức “đàn trời” thành “trời bắt”.^[1] Lòng người như vậy; nếu bảo Thanh Nghệ là vùng đất căn bản của nhà Hồ, thì tại sao nhà Hồ không tạo ra được một sức chống trả nào với quân Minh ở đây?

Theo Minh Thực Lục^[2], sau khi cha con Hồ Quý Ly bị bắt đưa về Tàu, vẫn còn dư đảng họ Hồ đánh phá tại vùng châu Thất-Nguyên, phủ Lạng-Sơn. Sự việc xảy ra vào tháng 8 năm Vĩnh Lạc thứ 5 [1407], dư đảng họ Hồ giết Đô-đốc Thiêm-sự Cao Sĩ Văn; khiến Trương Phụ phải sai Đô-Chỉ-huy Trịnh Sảng đến dẹp. Cần nhấn mạnh thêm, phủ Lạng-Sơn thời thuộc Minh, tức tỉnh Lạng-Sơn hiện nay, một tỉnh địa đầu miền Bắc. Điều này chứng tỏ những nhóm theo nhà Hồ có thể hiện diện tại bất cứ địa phương nào, không riêng gì Thanh Nghệ.

Keith W. Taylor viết về cuộc chiến kháng Minh năm 1406-1407: “Hồ Quý Ly từ bỏ phần lớn khu vực Đông Kinh” cũng không đúng sự thực. *Minh thực lục*^[3] xác nhận trận phục kích đạo quân của Đô-đốc Hoàng Trung đem Trần Thiêm Bình về nước xảy ra tại Căn-Trạm, một nơi cách ải Pha-Lủy tại biên giới khoảng 3 ngày đi bộ. Trận đánh mở đầu của Trương Phụ sau đó, xuất phát từ Bằng-Tường, tỉnh Quảng-Tây; đánh 3 vạn quân Hồ Quý Ly đồn trú trên núi, gần ải Pha-Lủy.^[4]

Nhằm chứng minh rằng đồng bào vùng châu thổ sông Hồng ủng hộ quân Minh chống nhà Hồ, Keith W. Taylor đưa ra hai bằng chứng: "Năm 1407 người Minh nói hơn 1100 nhân vật có thể lực địa phương bày tỏ sự trung thành với nhà Minh và yêu cầu vùng đất họ sáp nhập vào đế quốc Trung-Hoa." và "Nhà Minh ghi lại rằng hơn 9000 người địa phương đã đến thủ đô nhà Minh để được sắc phong".

Muốn hiểu thực chất về vấn đề này, hãy xét qua những nét đặc trưng về cuộc xâm lăng nước ta. Tổng hợp các sử liệu từ *Minh thực lục*, vua Thành Tổ phát động cuộc xâm lăng qua 3 phương diện:

- Phương diện quân sự với lực lượng 80 vạn quân, tiến vào nước ta qua 2 ngã Lạng-Sơn và Tuyên-Quang.

- Phương diện tâm lý chiến: truyền tờ hịch ra khắp nơi với 20 điều, kết tội cha con Hồ Quý Ly; hứa tìm con cháu nhà Trần đặt lên làm vua.

Nhưng khi chiếm được, nhà Minh vội nuốt lời, chia nước ta thành phủ huyện để trực tiếp cai trị. Thực hiện việc này có lớp lang, Trương Phụ sai một viên quan ra đầu hàng tên là Mạc Thúc đi chiêu dụ người các nơi đến khai rằng "Con cháu nhà Trần đã chết hết không có người thừa kế... An-Nam là đất cũ của Trung-Quốc xin đặt quan cai trị." rồi Mạc Thúc "làm tờ biểu dâng lên." Sau đó mấy tháng, vào ngày mồng 1 tháng 6 năm Vĩnh Lạc thứ 5 [1407], Minh Thành Tổ "chấp nhận lời xin" đặt "Giao-Chi Đô Chi-huy Sứ Ty", chia nước ta thành phủ, huyện để cai trị.^[5] Đó là nội dung vở kịch "1100 nhân vật" bày tỏ sự trung thành mà Keith W. Taylor đã đề cập. Còn lòng dân thực sự phần nộ như thế nào, có thể thấy một cách rõ ràng qua 64 cuộc nổi dậy xảy ra khắp nước ta, ngay sau đó.^[6]

- Phương diện thứ 3 của cuộc xâm lăng là tấn công vào thực thể nền "văn hiến" nước ta. Để làm sáng tỏ vấn đề, trước hết hãy tìm hiểu nguồn gốc hai chữ văn hiến. Từ này được Khổng Tử dùng đầu tiên trong thiên Bát Dật, Luận Ngữ. Chu Hy, một học giả đời Tống, định nghĩa "Văn, điển tịch dã; hiến, hiền dã"; điển tịch tức sách vở; hiền là hiền tài, chỉ những người tài cao đức trọng. Rút kinh nghiệm về các triều đại trước, bị thất bại trong việc cai trị nước ta, vì chỉ chú trọng đến quân sự mà thôi; Minh Thành Tổ thâm hơn, tấn công cả vào thực thể văn hiến nước ta là "sách vở" và "con người"; để mong vĩnh viễn đập tan mọi tư tưởng chỉ đạo cùng ý chí quật cường. Ngay lúc mới mang quân đánh nước ta, Minh Thành Tổ cho ban hành 2 chỉ dụ liên quan đến những việc này.

1. Một chỉ dụ ra lệnh tịch thu "sách vở" nước ta chở về Yên-Kinh;

2. Một chỉ dụ khác liên quan đến "con người", nguyên văn như sau:

"Sắc dụ bọn chinh thảo An-Nam Tân-Thành-hầu Trương Phụ: khi quân chiếm được An-Nam, hãy thăm dò rộng rãi toàn nước, để tìm những người tài đức, hoặc có một điều hay, một nghề giỏi. Dùng lễ để sai khiến, tìm cách đưa về kinh đô." Đối với bọn quân nhân như Trương Phụ thì cách thường dùng là "tiên lễ hậu binh" tức thuyết phục không được thì dùng sức mạnh ép buộc. Lúc bấy giờ tại nước ta cũng có những người sáng suốt hiểu được âm mưu này, nên có câu ca dao chống lại: "Dục hoạt ẩn lâm san. Dục tử tử Bắc quan." [Muốn sống vào ẩn trốn trong rừng. Muốn chết thì đi làm quan bên Tàu.]^[7] Đó là sự thực về sử liệu "9000 người địa phương đến Bắc-Kinh để nhận sắc phong" được nêu lên ở phần trên.

Điều mà Keith W. Taylor viết: "Chương xung đột đầu tiên tôi chọn để thảo luận đã hầu như bị chôn sâu đặng sau khung viết sử theo hình thức kháng chiến chống ách đô hộ quân Minh trong ba thập niên đầu thế kỷ 15. Những cái điều xác quyết hời hợt như cuộc chiến 'giải phóng dân tộc' lại có vẻ khác hẳn khi được xem xét kỹ." Lời nói bóng gió này, thả một trái bom mù rằng cuộc kháng chiến chống quân Minh không có thực, chỉ là sản phẩm tưởng tượng của những nhà viết sử nước ta mà thôi! May thay sử sách của nhà Minh, kẻ thù nước ta thời đó, còn khá đầy đủ. Các bộ sử này được Bác-sĩ Trịnh Vĩnh Thường, cũng là người Trung-Hoa, tham khảo để viết về vấn đề này như sau:

"Sau khi xuống chiếu cải An-Nam thành quận, huyện vào tháng 6 năm Vĩnh Lạc thứ năm [1407], tại An-Nam dấy lên cao trào chống Minh. Các địa phương tiếp tục nổi dậy; trong đó qui mô nhất, cơ hồ lay chuyển quyền thống trị quân Minh tại An-Nam phải kể đến thế lực phục quốc của Trần Giản Định và Trần Quý Khoách. Quân Minh trải qua 6 năm gian khổ chiến đấu, mới đập tan được sự kháng cự

của con cháu họ Trần. Sự thực khi quân Minh đánh nhau với nhà Hậu Trần, tại các địa phương có những người bình dân, hào kiệt, Thổ-quan; hoặc hưởng ứng lời hiệu triệu của Giản-Định-đế và Trần Quý Khoách, hoặc tự xưng Vương độc lập kháng Minh. Dưới thời Vĩnh Lạc, quân Minh phải đối diện với những cuộc động loạn tiếp tục xảy ra; sống trong tình huống đó họ phải liều mình tại các địa phương An-Nam. Thời gian nhà Minh thống trị, An-Nam hăm vào cục diện bất an động loạn.”^[8]

Trong các cuộc nổi dậy, thì cuộc kháng chiến chống quân Minh của Lê Lợi quá nổi tiếng, khó ai có thể phủ nhận được. Tuy nhiên, tác giả Taylor lại viết như sau: “Không khó để đọc cái gọi là ‘phong trào giải phóng dân tộc’ của Lê Lợi như là cuộc chinh phục của Thanh Nghệ đối với Đông Kinh, với sự nhiều nhân vật Đông Kinh xem người Minh như thế lực bảo vệ chống sự què kệch của các tỉnh phía nam.” Nói trắng ra, tác giả cho Lê Lợi thuộc phe Thanh Nghệ, còn đồng bào miền Bắc dựa vào thế lực nhà Minh! Chẳng cần phải tranh luận dài dòng, xin độc giả duyệt qua Biểu liệt kê các cuộc nổi dậy và bản đồ đính kèm để thấy rằng, trong 64 cuộc nổi dậy ở nước ta thời bấy giờ, thì có 54 cuộc xảy ra từ Ninh-Bình trở ra bắc; chỉ có 10 cuộc xảy ra từ Thanh-Hóa đến Thuận-Hóa [Thừa-Thiên]; và nơi có nhiều cuộc nổi dậy nhất lại là vùng đất xung quanh Đông Kinh [Đông-Đô]!



BIỂU LIỆT KÊ NHỮNG CUỘC NỔI DẬY TẠI AN-NAM DƯỚI THỜI VĨNH LẠC (1407-1424)

Số thứ tự	Niên hiệu Vĩnh lạc và năm	Lãnh tụ, tập đoàn	Khu vực nổi dậy	Tình huống cuộc nổi dậy	Nguồn gốc sử liệu
1	Thứ 5 (1407)	Dư đảng họ Hồ	Châu Thất-	Dư đảng họ Hồ tụ tập đánh phá. Ngày 29/8 Trương Phụ sai Đô-đốc	Minh Thái Tông Thực Lục, quyển

			Nguyên, phủ Lạng-Sơn	Thêm-sự Cao Sĩ Văn đến đánh. Sĩ Văn mang quân đến Quảng-Nguyên kịch chiến, bị trúng đạn chết. Trương Phụ sai Đô Chỉ-huy Trịnh Sáng mang binh đến dẹp; cuối cùng bình định được.	70, trang đầu 984. (Sau chỉ gọi là "Thực Lục"
2	Thứ 5 (1407)	Trần Giản Định [Giản Định Đế]	Huyện An-Mô, phủ Kiến-Bình	Giản Định vốn dòng dõi họ Trần; thấy quân Minh đánh dẹp họ Hồ xong, không chịu lập họ Trần, bèn chạy trốn đến Mô-Độ, châu Trường-An, phủ Thiên-Trường. Người trong phủ là Trần Triệu Cơ chiêu mộ dân lập lên làm vua để nối dõi, lấy niên hiệu là Hưng Khánh; đến ngày 10/11 năm Vĩnh Lạc thứ 7 thì bị bắt.	Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, quyển 9, trang 497 (Sau chỉ gọi là "Việt Toàn Thư")
3	Thứ 6 (1408)	Trần Nguyên Thôi	Châu Tam-Đái, phủ Giao Châu	Trần Nguyên Khoách cùng Nguyễn Đa Bí tụ tập làm loạn, đánh phá lương dân. Đầu đảng là Trần Nguyên Thôi bị bắt rồi bị tru lục.	Hoàng Trung Tuyên Công Văn Tập, quyển 7, trang 2-3. (Sau chỉ gọi "Hoàng Văn Tập")
4	Thứ 6 (1408)	Trần Nguyên Tôn	Châu Hạ-Hồng, phủ Tân-An.	Trần Nguyên Tôn bội nghĩa theo ác; quấy nhiễu khiến lương dân phải bỏ nghề cày cấy dệt vải.	Hoàng Văn Tập, quyển 7, trang 2-3
5	Thứ 6 (1408)	Trần Nguyên Lộc	Huyện Tuyên-Hóa, phủ Thái-Nguyên	Trần Nguyên Lộc nổi loạn, bị quân Minh bắt sống vào chính năm đó.	Hoàng Văn Tập, quyển 3, trang 15.
6	Thứ 6 (1408)	Bạch Sư Nhiễm	Huyện Ma-Lung, phủ Quảng-Oai	Bạch Sư Nhiễm tại Ma-Luân (tức Ma-Lung) làm loạn bị quân Minh đánh tan, nhưng chưa dẹp yên hoàn toàn.	Hoàng Văn Tập, quyển 3, trang 15.
7	Thứ 6 (1408)	Phạm Thế Căng	Phủ Thanh-Hóa	Phạm Thế Căng từng qui hàng quân Minh, Trương Phụ trao chức Tri-phủ phủ Tân-Bình. Nhưng Thế Căng nhận chức xong vẫn tiếp xưng là Duệ Vũ Đại-vương, chiếm núi An-Đại làm loạn. Vì có hiềm khích với Giản Định, nên bị Giản Định giết.	Việt Toàn Thư, quyển 9, trang 498.
8	Thứ 7 (1409)	Trần Quý Khoách	Phủ Nghệ-An	Trần Quý Khoách là cháu của Giản Định. Giản Định nghe lời dèm giết bọn Nguyễn Cảnh Chân, Đặng Tất. Con những người này là Nguyễn Cảnh Dị, Đặng Dung ủng hộ lập Trần Quý Khoách tại Chi-La, phủ Nghệ-An; hiệu là Trùng Quang; tôn Giản Định làm Thái Thượng-hoàng và tổ chức kháng Minh. Đến năm Vĩnh Lạc thứ 12	Việt Toàn Thư, quyển 9, trang 500.

				mới bị quân Minh bắt.	
9	Thứ 7 (1409)	Nguyễn Công Trà	Huyện Tuyên-Hóa, phủ Thái-Nguyên	Nguyễn Công Trà xúi dục các Thổ-quan các huyện tại Thái-Nguyên nổi dậy chống quân Minh	Hoàng Văn Tập, quyển 7, tờ 4.
10	Thứ 8 (1410)	Trần Quán	Phủ Trấn-Man	Trần Quán làm loạn, bị Thổ-quan Nguyễn Hy Cấp bắt.	Hoàng Văn Tập, quyển 7, trang 10.
11	Thứ 8 (1410)	Nguyễn Đa Cấu	Phủ Kiến-Bình	Nguyễn Đa Cấu khởi loạn tại phủ Kiến-Bình, nhưng quân Minh chưa bắt được; nghe hơi đã trốn xa, hiển nhiên loạn này chưa dẹp yên được.	Hoàng Văn Tập, quyển 7, trang 10.
12	Thứ 8 (1410)	Ông Lão	huyện Động-Hỉ, phủ Thái-Nguyên	Ông Lão lúc đầu nổi loạn tại huyện Động-Hỉ, ngày 10 tháng 5 năm Vĩnh Lạc thứ 8 bị Thổ-quan phủ Thái-Nguyên là Ma Bá Hổ mang Thổ binh đánh tan. Sau đó chiêu tập đồ đảng ban ngày cướp phá huyện Tư-Nông, ban đêm công tập huyện Động-Hỉ; lại cấu kết với giặc áo đỏ cướp phá lương dân. Quân Minh mang đại quân tiêu trừ, đến 2 năm mới bình định được.	Hoàng Văn Tập, quyển 4, trang 3, 8; quyển 7 trang 12, 26.
13	Thứ 8 (1410)	Vi Quảng Liâu	Huyện Đồng, phủ Lạng-Sơn	Vi Quảng Liâu từng được giao chức Thổ-quan; nhưng bề ngoài nhận chức quan, bề trong âm mưu theo nghịch tặc, đoạt của lương dân, mưu giết quan lại.	Hoàng Văn Tập quyển 7 trang 13.
14	Thứ 8 (1410)	Hoàng Thiêm Hữu	Châu Hạ-Văn, phủ Lạng-Sơn	Châu Hạ-Văn và huyện Đồng tiếp giáp nhau; Hoàng Thiêm Hữu cùng Vi Quảng Liâu cấu kết làm loạn.	Hoàng Văn Tập, quyển 7, trang 13.
15	Thứ 8 (1410)	Nguyễn Nguyên Hách	Huyện Thoát, phủ Lạng-Sơn	Huyện Thoát ở phía bắc Khâu-Ôn; Nguyễn Nguyên Hách từng là Thổ-quan, lúc này lại làm phản.	Hoàng Văn Tập, quyển 7, trang 13.
16	Thứ 8 (1410)	Ma Tông Kế	Phủ Tuyên-Hóa	Ma Tông Kế vốn làm loạn tại huyện Thoát; gặp quan quân đến đánh thì bỏ trốn ,đến đâu làm loạn đến đó, quân Minh cực khổ không có cách giải quyết.	Hoàng Văn Tập, quyển 7, trang 17.
17	Thứ 8 (1410)	Giặc Áo Đỏ	Phủ Thái-Nguyên	Giặc Áo Đỏ dấy lên vào năm Vĩnh Lạc thứ 8, mạnh nhất tại biên giới phủ Thái-nguyên; đánh phá làng huyện, lại cấu kết với bọn Ông Lão làm loạn. Vào tháng 12 năm Vĩnh Lạc thứ 9 Mộc Thạnh mang quân tinh nhuệ, cùng với Thổ-quan phủ Thái-Nguyên tiến đánh,	Hoàng Văn Tập quyển 4, trang 14; quyển 7 trang 18, 32, 33. Thực Lục quyển 218, trang đầu 2165 cùng 2167.

				loạn Áo Đỏ giảm thiểu. Vào Năm Vĩnh Lạc thứ 10 trở về sau, giặc Áo Đỏ phát triển xuống phía nam, cầu kết với bọn Phan Liêu, Trần Trực Thành làm loạn. Năm Vĩnh Lạc thứ 17, quân Minh bắt sống được Chủ-soái giặc Áo Đỏ là Nữu Môn, Diệp Để loạn mới hết; tính thời gian trải qua 9 năm.	
18	Thứ 9 (1411)	Lê Mão	Châu Lợi-Nhân	Lê Mão làm loạn tại châu Lợi-Nhân, bị Thổ-quan bắt giết.	Hoàng Văn Tập, quyển 3, trang 28.
19	Thứ 9 (1411)	Đinh Bồ	Khoái-Châu, phủ Kiến-Xương.	Đinh Bồ thừa cơ làm loạn, Bồ-Chính-ty Hoàng Phúc chiêu dụ không ra đầu thú.	Hoàng Văn Tập, quyển 3, trang 28.
20	Thứ 9 (1411)	Dương Cao Thiên	Châu Vạn-Nhai, phủ Lạng-Sơn	Dương Cao Thiên chiếm đất hiểm chờ thời, sau đó qui phụ quân Minh.	Hoàng Văn Tập, quyển 3, trang 34.
21	Thứ 9 (1411)	Bạch Sư Điểm	Huyện Ma-Lung, phủ Quảng-Oai	Bạch Sư Điểm thừa lúc quân Minh đi Thái-Nguyên đánh giặc Áo Đỏ, bèn nhân cơ hội làm loạn. Năm Vĩnh Lạc thứ 10 qui phụ Thổ-quan nhà Minh.	Hoàng Văn Tập, quyển 4, trang 5, 14.
22	Thứ 9 (1411)	Trần Tồn Nhân	Châu Hạ-Hồng, phủ Tân-An.	Trần Tồn Nhân thừa lúc sơ hở gây loạn, chưa thấy qui phụ. Hiễn nhiên vẫn tiếp tục đối địch với quân Minh.	Hoàng Văn Tập, quyển 4, trang 5.
23	Thứ 10 (1412)	Nguyễn Nhuế	Huyện Đại-Từ, phủ Thái-Nguyên.	Viên Phụ-đạo huyện Đại-từ, phủ Thái-Nguyên Nguyễn Nhuế khởi binh, tới lui vùng núi Tam-Đào, bị quân Trương Phụ bắt.	Việt Toàn Thư, quyển 9, trang 504.
24	Thứ 10 (1412)	Nông Văn Lịch	Phủ Lạng-Sơn	Vào năm này Nông Văn Lịch tụ binh chiếm Lạng-Sơn, làm tắc nghẽn đường bộ vào An-Nam, quấy nhiễu quan binh đi lại. Đến năm Vĩnh Lạc thứ 18, mới loạn vẫn chưa bình định.	Việt Toàn Thư quyển 9, trang 504. Thực Lục quyển 218, trang đầu 2165; quyển 225, trang đầu 2211.
25	Thứ 10 (1412)	Nguyễn Liễu	Huyện Lục-Na, phủ Lạng-Sơn.	Nguyễn Liễu hô hào dân các huyện Lục-Na, Vũ-Lễ đánh phá quân Minh hơn 4 năm. Sau nghe lời chiêu dụ của viên Thổ-quan Mạc Công Trai bèn qui hàng.	Việt Toàn Thư quyển 9, trang 506. Hoàng Văn Tập, quyển 4, trang 9.
26	Thứ 10 (1412)	Lưu Phụng	Phủ Quảng-Oai.	Lưu Phụng cướp phá tại Quảng-Oai, quân Minh tăng cường chinh tiểu, nhưng chưa tảo thanh được.	Hoàng Văn tập, quyển 4, trang 14.
27	Thứ 10 (1412)	Giáp Giang	Phủ Lạng-Sơn.	Giáp Giang làm loạn tại phủ Lạng-Sơn, không chịu hàng phục.	Hoàng Văn Tập, quyển 7, trang 34.
28	Thứ 10	Phạm	Huyện	Phạm Khang chiếm cứ Phù-Lưu	Hoàng Văn Tập,

	(1412)	Khang	Phù-Lưu, phủ Giao-Châu	làm loạn, không hàng.	quyển 7, trang 34.
29	Thứ 10 (1412)	Trần Nguyên Hiến	Châu Tam-Đái, phủ Giao-Châu	Trần Nguyên Hiến chiếm Tam-Đái làm loạn, không hàng.	Hoàng Văn tập, quyển 7, trang 54.
30	Thứ 10 (1412)	Lê Nhị	Huyện Thanh-Oai, phủ Giao-Châu.	Lê Nhị từng giết cha con Đô-ty Lư Vượng, chiếm cứ huyện Từ-Liêm làm loạn, sau đóng tại Thanh-Oai, không hàng.	Hoàng Văn Tập, quyển 7, trang 34; Việt Toàn Thư, quyển 9, trang 502.
31	Thứ 11 (1413)	Trần LỖI	Phủ Trấn-Man	Trần Lỗi chiếm cứ phủ Trấn-Man, cậy hiểm chém giết quan quân qua lại; nhằm đánh quân Minh thống trị tại An-Nam.	Hoàng Văn Tập, quyển 4, trang 22.
32	Thứ 12 (1414)	Nguyễn Tông Biệt	Châu Hạ-Hồng, phủ Tân-An.	Nguyễn Tông Biệt chiêu tập hơn ngàn người cử sự tại Hạ-Hồng, bọn Trần Lỗi tôn Tông Biệt làm minh chủ.	Hoàng Văn Tập, quyển 4, trang 31.
33	Thứ 12 (1414)	Trần Nguyên Cửu	Châu Tĩnh-An, phủ Tân-An	Trần nguyên Cửu là em của Trần Quý Khoách; sau khi Quý Khoách thất bại, Nguyên Cửu trốn đến châu Tĩnh-An làm loạn. Bồ-Chánh-ty Hoàng Phúc khá lo lắng về hoạt động này.	Hoàng Văn Tập, quyển 4, trang 54.
34	Thứ 13 (1415)	Trần Nguyệt Hồ.	Huyện Lỗi-Giang, phủ Thanh-Hóa.	Trần Nguyệt Hồ tự xưng Nguyệt-Hồ-vương, chiêu tập dân Man tại Lỗi-Giang làm loạn; bị quân Minh tiêu bình, giải đến kinh sư tru lục.	Thực Lục quyển 169, trang đầu 1881,
35	Thứ 14	Binh lính tại D40 Tân-An	Huyện Tân-An, phủ Tân-an.	Binh lính huyện Tân-An làm loạn, bị Trương Phụ bình định.	Việt Toàn Thư, quyển 9, trang 510.
36	Thứ 15 (1417)	Nguyễn Trinh	Huyện Na-Lục, phủ Lạng-Giang.	Nguyễn Trinh tụ tập dân chúng tại châu Na-Lục làm loạn; đánh bắt dân chúng, súc vật; bị quân Minh bắt, và giết bọn chúng để cảnh cáo dân Nam-Giao.	Thực Lục quyển 189, trang đầu 2008.
37	Thứ 15 (1417)	Lê Hạch	Châu Thuận, Phủ Thuận-Hóa	Năm này hốt nhiên tại hai phủ Thuận-Hóa và Tân-Bình Thổ-quan, quần hùng rầm rộ nổi dậy chống quân Minh. Tại Giao-Chí, châu Thuận có: Lê Hạch, Phan Cường cùng các Thổ-quan như Đồng-tri Trần Khả Luân, Phán-quan Nguyễn Chiêu, Chủ-bạ Phạm Mã Hoãn, Thiên-hộ Trần Nảo, Bách-hộ Trần Ngô Sài; châu Nam-Linh có: Phán-quan Nguyễn Nghĩ, Tri-huyện huyện Tá-Bình	Thực Lục, quyển 129, trang đầu 2011.

				Phạm Bá Cao. Huyện-thừa Vũ Vạn, Bách-hộ Trần Ba Luật. Bọn chúng đốt thành quách nhà cửa hai châu, giết quan lại; tiếm xưng danh hiệu, có đồng đảng khoảng hơn một ngàn người. Quân Minh chinh tiểu, giết Lê Hạch tại trận tiền cùng đồ đảng hơn 500 người; bắt sống Phan Cường, Trần Khả Luận, Nguyễn Chiêu, Phạm mã Hoãn, Phạm Bá Cao, Vũ Vạn; chiếu theo pháp luật tru lục. Đây là cuộc bạo động khá qui mô của các thổ-quan; tuy nhiên bị quân Minh bình định mau chóng.	
38	Thứ 15 (1417)	Trần Ba Luật	Châu Nam-Linh, phủ Tân-Bình.	Trần Ba Luật tuy chưa bị quân Minh bắt giữ, nhưng hai năm sau dư đảng bị quân Minh đánh tan.	Thực Lục, quyển 219, tờ đầu 2119.
39	Thứ 15 (1417)	Dương Tiễn Giang	Sách Bách-Trú	Tướng Minh Chu Quảng công phá trại Bách-Trú, bắt được bọn Tiễn Giang bèn tru lục để răn đe, dư đảng tan rã.	Thực Lục, quyển 193, trang đầu 2035.
40	Thứ 16 (1418)	Lê Lợi	Huyện Nga-Lạc, phủ Thanh-Hóa.	Lê Lợi xưng là Bình-Định-vương, khởi binh tại Lam -Sơn. Xét: dưới thời Vĩnh Lạc, phạm vi hoạt động của Lê Lợi chủ yếu tại Lam-Sơn và Chí-Linh, thuộc phía tây Thanh-Hóa.	Việt Toàn Thư, quyển 10, trang 516.
41	Thứ 16 (1418)	Xa Miên Tử	Huyện Tứ-Mang, châu Gia-Hưng	Viên Tri-huyện Thổ-quan Xa Miên Tử, Xa Tam làm loạn; giết bọn Lưu-quan Tri-huyện Âu Dương Trí. Quân Minh đến đánh, bọn Xa Tam chạy trốn; nhưng núi rừng hiểm trở, nhiều chướng lệ, quan quân truy tìm không bắt được, chỉ sai người chiêu phủ để yên lòng người.	Thực Lục, quyển 197, trang đầu 2063
42	Thứ 17 (1419)	Phan Liêu	Huyện Vệ-Nga, phủ Nghệ-An	Thổ-quan Phan Liêu giận Trung-quan Mã Kỳ lảng ngược bèn cùng với bọn Thổ-quan Thiên-hộ Trần Đài tụ chúng cướp phá phủ huyện, giết quan lại. Lý Bân mang quân chinh thảo. Liêu cùng bọn Lộ Văn Luật, Cầm Quý liên kết đánh Minh, lại dẫn giặc áo đỏ đối kháng quân Minh; kết quả bị đánh thua, Liêu trốn tránh tại Lão-Qua, không dám xuất hiện.	Thực Lục quyển 215, trang đầu 2152; quyển 218, trang đầu 2167; quyển 223, trang đầu 2248.
43	Thứ 17 (1419)	Lộ Văn Luật	Phủ Nghệ-An	Thổ-quan chỉ huy Lộ Văn Luật theo Phan Liêu khởi sự; sau thế lực suy yếu trốn tại Lão-Qua.	Thực Lục quyển 215, trang đầu 2152.
44	Thứ 17	Phạm	Huyện	Phạm Nhuyễn tụ tập dân chúng	Thực Lục quyển

	(1419)	Nhuyễn	Nga-Lạc, phủ Thanh-Hóa	chiếm lãnh sách Cự-Lạc, huyện Nga-Lạc; Đô Chi-huy Từ Nguyên mang quan quân đến chém đi để thị chúng.	217, trang đầu 2161.
45	Thứ 17 (1419)	Trần Trực Thành	Huyện Kê-Giang, phủ Nghệ-An.	Trần Trực Thành cùng em là Ngụy xưng là Kim Ngô Tướng-quân cùng với giặc Áo Đỏ làm loạn. Sau bị quân Minh bình định.	Thực Lục quyển 218, trang đầu 2165 và 2168.
46	Thứ 17 (1419)	Vũ Cống	Huyện Phù-Lưu, phủ Diễn-Châu	Vũ Cống người hộ Đào-Kim, huyện Kê-Giang liên kết với kỳ lão Hoàng Văn Diễn tụ chúng thiêu đốt huyện Phù-Lưu.	Thực Lục quyển 218, trang đầu 2165 .
47	Thứ 17 (1419)	Trần Đại Quả	Châu Vũ-Ninh, phủ Bắc-Giang.	Trần Đại Quả làm loạn chém giết quan binh, bị quân Minh bình định.	Thực Lục quyển 218, trang đầu 2165.
48	Thứ 17 (1419)	Nguyễn Đặc	Châu Khoái, phủ Kiến-Xương.	Nguyễn Đặc làm loạn tại châu Khoái, bị quân Minh bình định.	Thực Lục quyển 218, trang đầu 2165.
49	Thứ 17 (1419)	Ngô Cự Lai	Huyện Đạm-Thiện, phủ Bắc-Giang.	Ngô Cự Lai tiếp tục làm loạn, sát thương quan binh, bị quân Minh bình định.	Thực Lục quyển 219, trang đầu 2165.
50	Thứ 17 (1419)	Trần Thuận Khánh	Châu Nam-Linh, phủ Tân-Bình.	Thiên-hộ Trần Thuận Khánh làm loạn, bị quân Minh bắt chém.	Thực Lục quyển 218, trang đầu 2168.
51	Thứ 17 (1419)	Trịnh Công Chứng	Huyện Đồng-Lợi, phủ Tân-An.	Trịnh Công Chứng người hộ Đào-Kim tụ đảng hơn ngàn người, đốt phá các huyện Đồng-Lợi, Đa-Dị; giết quan lại. Bị quân Minh giết.	Thực Lục quyển 218, trang đầu 2165.
52	Thứ 17 (1419)	Đào Cường	Huyện Thiện-Tài, phủ Bắc-Giang.	Đào Cường khởi binh tại huyện Thiện-Tài, từng đánh bại quan quân; định vượt sông Phú-Lương [Hồng-Hà] đánh thành Đông-Quan [Hà-Nội] bị quan quân ra sức chẹn đánh nên phải dừng. Sau theo Phạm Ngọc làm loạn.	Thực Lục quyển 218, trang đầu 2169.
53	Thứ 17 (1419)	Lê Điệt	Huyện Kiến-Xương, phủ Kiến-Xương.	Lê Điệt vốn đồng đảng với Trịnh Công Chứng. Công Chứng chết, Điệt trốn tránh, chiêu tập thuộc hạ, thế lực trở nên lớn mạnh. Đô Chi-huy Giao-Chỉ Trần Trung đánh bại Lê Điệt tại sông Tiểu-Hoàng, huyện Kiến-Xương; bắt sống được trên 350 tên, đốt hơn 160 chiếc thuyền; truy kích đến xã Cổ-Lôi, huyện Tây Chân, phủ Phụng-Hóa; lại đánh nhau với Lê Điệt lần nữa. Đến năm Vĩnh Lạc	Thực Lục quyển 219, trang đầu 2171; quyển 224, trang đầu 2205.

				thứ 18 quân Minh đại bại quân Diệt tại huyện Diên-Hà, phủ Trấn-Man giết và bắt hơn 600 tên, đóng gông Lê Diệt giải về kinh đô. Tuy không có tài liệu xác nhận Lê Diệt xưng đế, nhưng thuộc hạ của y đều xưng là Tướng-quân, y đứng đầu có thể đã tự xưng đế.	
54	Thứ 17 (1419)	Đình Tông Lão	Huyện Đại-Loan, phủ Kiến-Bình.	Ngày mồng 8 tháng 12 Đình Tông Lão tạo phản tại biên giới phủ Kiến-Bình, bị Phương Chính bình định. Quân Minh giết hơn 400 người, bêu đầu để răn đe.	Thực Lục, quyển 219, tờ đầu 2173.
55	Thứ 17 (1419)	Phạm Thiện	Châu Đông-Triều, phủ Tân-An.	Ngày 15 tháng 12 Phạm Thiện bị Lý Bân bắt tại châu Đông-Triều. Lúc đầu Phạm Thiện cùng Đào Thừa nổi loạn, sau đó theo Phạm Ngọc, đến lúc này bị bắt.	Thực Lục quyển 219, trang đầu 2174.
56	Thứ 17 (1419)	Phạm Ngọc	Huyện An-Lão, phủ Tân-An	Sư chùa Đờ-Sơn tên là Phạm Ngọc tự xưng là La-Bình-vương, kỷ nguyên Vĩnh Ninh; tụ dân làm loạn. Được những tên phản loạn như Đào Cường, Phạm Thiện ủng hộ, thế lực ngày một lớn. Đến năm Vĩnh lạc thứ 18 bị quân Minh bắt, đóng gông giải về kinh đô.	Thực Lục quyển 219, trang đầu 2174, 2180, 2181.
57	Thứ 17 (1419)	Vũ Liên	Châu Thượng-Hồng, phủ Lạng-Giang.	Bọn Vũ Liên, Vũ Lợi tụ dân làm loạn, không sợ quân Minh.	Hoàng Văn Tập, quyển 4, trang 46.
58	Thứ 17 (1419)	Dương Cung	Huyện Phượng-Sơn, phủ Lạng-Giang.	Dương Cung, Nguyễn Đa Giai tự xưng Vương, tụ dân làm loạn ; bị quân Minh đánh tan, bắt đóng gông giải về kinh đô.	Minh Sử, An-Nam Truyện, quyển 321, trang 8320. Thực Lục quyển 225, trang đầu 2212, 2290.
59	Thứ 17 (1419)	Trần Nhuế	Hoàng-Giang, phủ Trần-Xương	Trần Nhuế thấy quân thành Đông-Quan suy yếu, bèn khởi binh làm phản.	Việt Toàn Thư, quyển 10, trang 517.
60	Thứ 18 (1420)	Cẩn Sư Lỗ	Huyện Thạch-Thất, phủ Giao-Châu.	Cẩn Sư Lỗ tụ chúng làm loạn, bị quân Minh đánh bại bỏ chạy.	Thực Lục quyển 220, trang đầu 2185.
61	Thứ 18 (1420)	Phạm Công Trịch	Châu Uy-Man	Phạm Công Trịch tụ chúng làm loạn; nghe tiếng quân Minh truy kích bèn chạy đến Khoái-Châu.	Thực Lục quyển 220, trang đầu 2185.
62	Thứ 18	Lê Ngạ	Thành	Lê Ngạ tự xưng Thiên Thượng	Việt Toàn Thư,

	(1420)	(Dương Cung)	Xương-Giang, phủ Lạng-Giang.	Hoàng-đế, kỳ nguyên Vĩnh Thiên; bộ hạ đến mấy vạn người, đốt thành Xương-Giang, xâm lược Bình-Thân. Quân Minh đánh đuổi, Ngạ bỏ trốn.	quyển 10.
63	Thứ 18 (1420)	Nguyễn Thuật	Hoàng-Giang, phủ Kiến-Xương	Nguyễn Thuật tụ chúng đánh phá châu huyện, giết Tả Tham-Chính Hầu Bảo.	Thực Lục quyển 225, trang đầu 2213.
64	Thứ 22 (1424)	Đinh Sĩ Nghiệm	Huyện Na-Lục, phủ Lạng-Giang.	Đinh Sĩ Nghiệm tụ chúng đánh phá huyện Na-Lục, bị Thiêm-sự Trần Lân mang quân bắt được.	Thực Lục quyển 228, trang đầu 2429.

Lời giới thiệu biểu liệt kê:

Đọc cuốn sách khảo cứu về lịch sử của Bác-sĩ Trịnh Vĩnh Thường, Giáo-sư đại học tại Đài-Loan, *Chinh chiến dữ khí thú: Minh đại trung Việt quan hệ nghiên cứu*, về trên của nhan đề “đánh, giữ, hoặc bỏ cuộc” tại Việt-Nam, quả là mỗi trăm trở lo lắng chung của Trung-Quốc suốt từ triều đại họ qua triều đại kia, được ghi lại trong lịch sử nước này.

Đời Hán Vũ đế [135 B.C.] định mang quân đánh các nước Việt, Hoài Nam Vương An mạnh mẽ can gián với lễ khẩn thiết như sau:

“Thời nhà Tần cử Úy Đồ Thư đánh Việt, dân Việt rút vào rừng sâu đánh không được. Quân lính đóng chỗ không người, lần lửa ngày tháng trở nên mệt mỏi; nhằm thời cơ này quân Việt tấn công quân Tần đại bại. Nhà Tần lại bắt lính bị đày đến đồn trú, lúc này trong ngoài tao động, dân chúng đổ thán, người đi chinh chiến không được trở về, bèn bỏ hàng ngũ quân tụ thành giặc, mỗi loạn Sơn-Đông bắt đầu phát sinh từ đó...”^[9]

Thời nhà Tống [981], vua Thái Tông mang quân sang đánh nước ta bị thua; bèn tức giận định mang quân trả thù; Gián-quan Điền Tích dâng sớ can, có đoạn như sau:

“Đất Giao-Châu ở nơi góc biển đầy lam chướng, chiếm được chẳng khác gì ruộng đá, tới nơi không quen thủy thổ, ở lại không yên ổn, đóng binh lâu chết chóc nhiều. Bệ-hạ nên nghĩ đến cái khổ của chinh chiến và sự tiêu phí nhiều. Nên thương quân lính, tiếc sinh lực, đừng làm nhục chí cùng tiêu hao tiền của; chớ nên tước đoạt sinh lực trong nước để chinh chiến cần lao bên ngoài”^[10]

Lời can gián đầy thuyết phục, nên vua Tống Thái Tông đành bỏ ý định gây chiến và tìm cách thân thiện với nước ta.

Đời Nguyên [1291], Thế Tổ Hốt Tất Liệt gửi cho vua Trần Nhân Tông nước ta một đạo dụ, nói thẳng về sự hậm hực chưa tiếp tục sang đánh An-Nam được; vì đã mất những tướng giỏi như bọn Toa Đô, Ô Mã Nhi:

“... Vì viên Trấn-Nam-vương Thoát Hoan tuổi trẻ nông nổi tiến quân bằng đường thủy, sai lầm không nghe lời chỉ bảo nên bọn Toa Đô, Ô Mã Nhi mới rơi vào tay người; nhờ vậy người mới được tạm thời yên ổn...”^[11]

Thời nhà Thanh, vua Càn Long sau khi thua trận, không dám mang quân trả thù; qua một đạo dụ cũng viện dẫn những lý lẽ nên thân thiện với vua Quang Trung như sau:

“... Nếu bình định được đất này, chia thành quận huyện; người trong nước không thể ở đó lâu ngày để cai trị. Và lại xứ đó lòng người phản phúc, khó có thể yên ổn lâu ngày mà không sinh ra việc...”^[12]

Nói tóm lại, các triều đại Trung-Hoa đều xem Việt-Nam như món “gân gà” của Tào Tháo, nuốt mãi không trôi. Để nghiên cứu một cách rõ ràng, với cách làm việc mới mẻ khoa học hơn các vị vua chúa, hoặc tiền bối tại nước ông, Bác-sĩ Trịnh Vĩnh Thường đã lập một biểu liệt kê trong vòng 17 năm [1407-1424] dưới thời Minh Thành Tổ (Vĩnh Lạc) đô hộ, có đến 64 cuộc nổi dậy tại nước ta. Biểu liệt kê cung cấp các mục: niên đại, lãnh tụ hoặc tập đoàn, khu vực nổi dậy, tình huống xảy ra, nguồn gốc tư liệu lấy từ sách nào.

Rõ ràng biểu liệt kê này rất tiện dùng trong thời đại chúng ta, thời đại đầy vôi vã thô thúc, chỉ mong liếc nhìn qua mà thấy được sự việc. Đối với những nhà nghiên cứu, các sinh viên làm luận án, thì mục Nguồn gốc tư liệu lấy từ sách nào sẽ là cái mốc giúp họ bước đầu đi sâu từng vụ việc; biết đâu do cảm hứng từ những mốc này, sẽ có những tác phẩm nghiên cứu về lịch sử ra đời trong tương lai! Cần nhấn mạnh rằng tác giả là người Trung-Hoa, dĩ nhiên phải đứng trên lập trường của nước họ; mong độc giả sử dụng với tinh thần thận trọng có phê phán, để tìm ra sự thực. Biểu liệt kê này tuy sử dụng tên đất thời thuộc Minh, nhưng được đính kèm bản đồ có ghi số thứ tự lên trên; người tra cứu chỉ cần căn cứ số thứ tự của cuộc nổi dậy được ghi trên biểu liệt kê, rồi tìm ngay trên bản đồ để thấy rõ vị trí.

Chú thích:

[1] *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, tập 2, trang 219.

[2] *Minh thực lục*, quyển 70, trang 984.

[3] *Minh thực lục*, quyển 52, trang 782.

[4] *Minh thực lục*, quyển 60, trang 866.

[5] *Minh thực lục*, quyển 68, trang 943.

[6] Xin xem “Biểu liệt kê...” đính kèm.

[7] Ngô Thời Sĩ, *Việt Sử tiêu án*, bản dịch, trang 115.

[8] Trịnh Vĩnh Thường, *Chinh chiến dữ khí thú - Minh đại trung Việt quan hệ nghiên cứu*, trang 84. Đài-Loan Thị: Quốc lập Thành công Đại học xuất bản, 1998.

[9] Hồ Bạch Thảo, *Những nét đặc trưng về lịch sử Việt-Nam*, trang 329.

[10] *Những nét đặc trưng về lịch sử Việt-Nam*, sách đã dẫn, trang 344.

[11] *Những nét đặc trưng về lịch sử Việt-Nam*, sách đã dẫn, trang 100.

[12] Hồ Bạch Thảo, *Cao Tông thực lục*, trang 172.